

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý sản xuất, kinh doanh muối

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý sản xuất, kinh doanh muối.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý sản xuất, chế biến, kinh doanh muối.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; hộ gia đình; cá nhân trong nước hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh muối.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp thực hiện đầu tư vào hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh muối trên lãnh thổ Việt Nam chịu sự điều chỉnh của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác liên quan.

3. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Muối là hợp chất, có thành phần chính là Natri Clorua (công thức hóa học: NaCl), được sản xuất từ nước biển, nước mặn ngầm hoặc khai thác từ mỏ muối.
2. Muối thô là muối được sản xuất từ nước biển, nước mặn ngầm hoặc khai thác từ mỏ muối chưa qua chế biến, có hàm lượng các chất theo tiêu chuẩn TCVN 9638:2013.
3. Muối tinh là muối đã qua chế biến, có hàm lượng các chất theo tiêu chuẩn TCVN 9639:2013.
4. Muối công nghiệp là muối có hàm lượng các chất theo tiêu chuẩn TCVN 9640:2013.
5. Muối thực phẩm là muối được bổ sung tăng cường vi chất i-ốt dùng để ăn trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm, có hàm lượng các chất theo quy chuẩn QCVN 9-1:2011/BYT.
6. Sản xuất muối là quá trình làm ra muối từ nước biển, nước mặn ngầm hoặc khai thác từ mỏ muối.
7. Sản xuất muối thủ công là quá trình sản xuất được thực hiện trên đồng muối, gồm: Nhiều đơn vị sản xuất, mỗi đơn vị sản xuất có lưu trình từ bốc hơi nước biển đến kết tinh muối và có quy mô nhỏ theo hộ gia đình; quá trình sản xuất sử dụng sức lao động của con người là chủ yếu.
8. Sản xuất muối quy mô công nghiệp là quá trình sản xuất muối trên diện tích tập trung, quy mô lớn và được thiết kế tuân thủ theo quy trình công nghệ phân đoạn kết tinh, gồm: Các khu bốc hơi nước biển, khu kết tinh thạch cao và khu kết tinh muối riêng biệt, thuận lợi cho việc cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch và bảo quản muối.
9. Chế biến muối là quá trình sử dụng thiết bị, kỹ thuật để chế biến muối thô thành loại muối có chất lượng cao hơn; muối được bổ sung tăng cường vi chất i-ốt cần thiết cho sự tăng trưởng, phát triển của con người.
10. Kinh doanh muối bao gồm các hoạt động mua, bán, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu, dự trữ lưu thông, vận chuyển, bảo quản muối.
11. Đất làm muối là diện tích đất trong quy hoạch phát triển sản xuất muối được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Đất sản xuất muối quy mô công nghiệp và đất sản xuất muối thủ công.

Điều 4. Quản lý nhà nước về muối

1. Muối là mặt hàng thiết yếu được Nhà nước thống nhất quản lý trên phạm vi cả nước đối với hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh muối.

2. Nội dung quản lý nhà nước về muối, gồm:

- a) Xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch và các chính sách phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh muối;
- b) Ban hành, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về sản xuất, chế biến, kinh doanh muối;
- c) Xây dựng, tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm muối;
- d) Tổ chức điều tiết cung cầu, xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý chất lượng muối, dự trữ quốc gia muối, bình ổn giá muối ăn và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật;
- đ) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về sản xuất, chế biến, kinh doanh muối theo quy định pháp luật.

Chương II **QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐẤT LÀM MUỐI** **VÀ SẢN XUẤT, KINH DOANH MUỐI**

Mục 1 **QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐẤT LÀM MUỐI**

Điều 5. Quy hoạch đất làm muối

1. Nội dung quy hoạch

Nội dung quy hoạch đất làm muối thực hiện theo quy định của Luật đất đai và được thể hiện cụ thể trong Quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia. Nội dung quy hoạch đất làm muối tại các địa phương có sản xuất muối, gồm:

- a) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm muối là một nội dung trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia và tại các địa phương có sản xuất muối;
- b) Định hướng quy hoạch sử dụng đất làm muối được lập cho giai đoạn 10 năm và tầm nhìn đến 10 năm tiếp theo. Thời hạn xem xét, điều chỉnh quy hoạch phát triển sản xuất muối theo định kỳ 5 năm một lần và bổ sung quy hoạch cho 5 năm tiếp theo; kế hoạch sử dụng đất làm muối lập cho giai đoạn 5 năm;
- c) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất làm muối trong nhóm đất nông nghiệp; xác định đất làm muối của kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp tỉnh và vùng kinh tế - xã hội. Trong đó, xác định rõ vùng sản xuất muối tập trung, ổn định; chuyển đổi nghề cho vùng sản xuất muối thủ công kém hiệu quả;
- d) Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất làm muối đến từng đơn vị hành chính cấp tỉnh và vùng kinh tế - xã hội;
- đ) Giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Trình tự xây dựng quy hoạch

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sản xuất muối lập Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm muối và được thể hiện cụ thể trong Quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia;

b) Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm muối thực hiện theo quy định của pháp luật về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia.

3. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Quy hoạch đất làm muối là cơ sở để thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất muối quy định tại Chương III Nghị định này.

Điều 6. Quản lý quy hoạch và quỹ đất làm muối

1. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm muối phải được công bố, công khai theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật liên quan.

2. Nhà nước giao đất, cho thuê đất làm muối trong quy hoạch cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm muối phải được kiểm tra, giám sát, đảm bảo sử dụng đất làm muối đúng mục đích và hiệu quả; việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm muối và thẩm quyền quyết định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thực hiện quy định của pháp luật về đất đai.

4. Điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất làm muối:

a) Phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

b) Dự án chuyển mục đích sử dụng đất làm muối được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, cho phép chuyển mục đích sử dụng;

5. Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, phê duyệt dự án chuyển mục đích sử dụng đất làm muối sang sử dụng vào mục đích khác có hiệu quả hơn thực hiện quy định của pháp luật về đất đai.

6. Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch tổng thể đất làm muối trong cả nước đã được phê duyệt, không chuyển đất làm muối sang sử dụng vào mục đích khác; khuyến khích việc đầu tư mở rộng đất làm muối công nghiệp, cải tạo đất làm muối thủ công thành đất làm muối quy mô công nghiệp trong quy hoạch.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất làm muối trong quy hoạch

1. Sử dụng đúng mục đích theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm muối đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

2. Tổ chức sản xuất muối đúng quy hoạch, áp dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất muối và bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Không bỏ đất hoang, không làm ô nhiễm đất.

4. Không sử dụng các nguồn nước bị ô nhiễm chưa qua xử lý để sản xuất, chế biến muối; không xả chất thải, nước thải làm ô nhiễm môi trường và có giải pháp chống nhiễm mặn môi trường đất, nước ngầm xung quanh vùng sản xuất, chế biến muối.

5. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn sử dụng đất làm muối theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ đầu tư việc cải tạo đất làm muối thủ công thành đất làm muối quy mô công nghiệp trong quy hoạch.

Mục 2

QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH MUỐI

Điều 8. Quản lý sản xuất, chế biến, kinh doanh muối

Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối có trách nhiệm:

1. Các tổ chức, cá nhân được tổ chức sản xuất, chế biến, kinh doanh muối theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hệ thống các thiết bị, công trình hạ tầng kỹ thuật sản xuất, chế biến kinh doanh muối đảm bảo:

a) Không gây ô nhiễm vào sản phẩm, nhiễm mặn môi trường vùng lân cận và đảm bảo việc tiêu, thoát nước;

b) Có khoảng cách an toàn với khu vực ô nhiễm môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật và các khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện;

c) Nước sử dụng để rửa, sơ chế, chế biến muối đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;

d) Có giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

3. Công bố hợp chuẩn, hợp quy chất lượng muối phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm muối thực phẩm, muối tinh, muối công nghiệp theo quy định.

4. Sản phẩm muối khi đưa ra lưu thông trên thị trường phải đảm bảo chất lượng theo công bố hợp chuẩn, hợp quy đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; có bao bì, nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và an toàn thực phẩm (trừ muối công nghiệp).